

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **307/2017/HSPT**

Ngày: 22/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Quang Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Phương

Ông Nguyễn Thành Lượng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Linda - Cán bộ
Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông
Phạm Xuân Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử
phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 253/2017/HSPT ngày 06 tháng 10 năm 2017. Do
có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ đối với bản án hình sự sơ thẩm số
95/2017/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thị xã Long
Khánh.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1995 tại Đồng Nai;

Hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã N, huyện Q, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp:
Nuôi ong; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1971 và bà
Phan Thị Thu H, sinh năm 1972; Vợ Sứ Hoàng Linh P, sinh năm 1995;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 06/5/2017 đến
15/5/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Bắt tạm giam ngày
28/8/2017 – Có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; HKTT: Tổ 6, ấp C, xã Q1,
thị xã K, tỉnh Đồng Nai – *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Sứ Hoàng Linh P, sinh năm
1995; HKTT: Ấp C, xã N, huyện Q, tỉnh Đồng Nai – *Vắng mặt.*

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát Thị xã Long Khánh và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thị xã Long Khánh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/5/2017, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 60B4 - 39.222 (xe Đ mượn của chị Sứ Hoàng Linh P) đi từ thị xã K về nhà. Khi đi đến đường T thuộc xã V, thị xã K, Đ phát hiện chị Nguyễn Thị T đang đi xe theo hướng ngược lại, trên xe chị T có để một giỏ xách phía trước nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đ quay xe lại và bám theo chị T khoảng 01km, khi đến đoạn đường vắng người, Đ nhanh chóng áp sát rồi giật giỏ xách và tẩu thoát.

Khi về nhà, Đ kiểm tra bên trong giỏ xách có 3.500.000đ, 10 đôla Mỹ, 05 đôla Úc, 02 tờ tiền Campuchia mệnh giá 1.100 đồng, một số giấy tờ tùy thân, vật dụng dạy học như thẻ ATM, CMND, giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, thẻ Đảng viên, thẻ công chức tất cả đều mang tên Nguyễn Thị T; 02 USB, 01 mắt kính đeo mắt; một chùm chìa khóa và dụng cụ dạy học. Đ lấy tiền và ngoại tệ, còn giỏ xách, vật dụng và các giấy tờ tùy thân Đ mang đi đốt.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Đ nhờ Nguyễn Văn T1 là bạn chở đến cửa hàng điện thoại Thúc Apple ở thị xã K. Đ dùng số tiền của mình và số tiền của chị T mua một điện thoại Iphone 7 Plus trị giá 18.200.000đ rồi đón xe ra phía Bắc để trốn. Khi đến địa phận tỉnh Hà Tĩnh, do sợ bị bắt nên Đ xuống xe rồi bắt xe quay về xã V đầu thú.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 10 đôla Mỹ (04 tờ 02 đôla, 02 tờ 01 đô la);
- 05 đôla Úc (AUD);
- 1.100 Riel (tiền Campuchia);
- 01 xe Honda hiệu Airblade màu đen cam, biển số 60B4 - 39.222;
- 01 áo khoác màu đỏ;
- 01 chùm chìa khóa bị đốt;
- 01 giỏ xách nhựa bị đốt cháy.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 67/HĐĐGTTTHS ngày 18/5/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã K kết luận 10 đô la Mỹ có giá trị 227.780đ; 05 đô la Úc có giá trị 83.080đ; 1.100 đồng Riel có giá trị 6.149đ.

Tại Công văn số 75/HĐĐGTTTHS ngày 06/6/2017; số 82 ngày 27/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã K kết luận 01 giỏ xách bằng da, màu hồng; 02 USB (01 màu đen và 01 màu trắng); 01 mắt kính cận, tròng kính màu trắng không thu hồi được tang vật, không cung cấp được hóa đơn chứng từ nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã K không có cơ sở để xác định giá trị thực tế của tài sản.

Về chiếc xe Airblade màu đen cam, biển số 60B4 - 39.222 là tài sản của chị P, chị không biết việc Đ sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an thị xã K đã trả lại cho chị P.

Cơ quan điều tra Công an thị xã K đã trả lại cho chị T 10 đôla Mỹ; 05 đôla Úc; 1.100 đồng Riel. Quá trình điều tra, gia đình Đ đã nộp 3.500.000đ để trả chị T.

Về dân sự: Chị T yêu cầu Đ bồi thường chi phí làm lại giấy tờ, giá trị tài sản bị đốt hỏng là 4.480.000đ, gia đình Đ đã bồi thường xong, chị T đã có đơn bãi nại cho Đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 95/2017/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân Thị xã Long Khánh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Cướp giật tài sản”; Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 – Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2017 (có trừ đi khoảng thời gian tạm giam từ ngày 06/5/2017 đến ngày 15/5/2017). Ngoài ra trong bản án còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vợ mới cưới đang có thai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật.

Hành vi dùng xe phân khối lớn để cướp giật tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu (có một tiền án về tội đánh bạc đã được xóa án). Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã xem xét đến nhiều tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị

cáo 02 năm tù là phù hợp. Do đó, đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và y án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày bị cáo là phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vợ mới cưới đang có thai đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận ngày 03/5/2017, có hành vi điều khiển xe mô tô cướp giật giỏ xách của chị Nguyễn Thị T. Tài sản Đ chiếm đoạt gồm tiền Việt Nam, tiền Úc, tiền Mỹ và tiền Campuchia với tổng giá trị là 3.817.009đ.

Án sơ thẩm xử bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại khoản 2, Điều 136 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm, để chiếm đoạt tài sản của chị T là nguy hiểm, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội. Vì vậy cần được xử lý nghiêm, nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo kháng cáo trình bày phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vợ mới cưới đang có thai và xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy tuy bị cáo trình bày được tình tiết mới, nhưng khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được bồi thường lại cho chủ sở hữu, nên chị T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó tòa sơ thẩm đã áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 02 năm tù, mức án dưới khung hình phạt luật quy định là phù hợp, thỏa đáng. Do đó cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Như đã nhận định; Xét chấp nhận một phần lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát và y án sơ thẩm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ, y án sơ thẩm.

Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 02 (hai) năm tù. Về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2017, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 06/5/2017 đến ngày 15/5/2017.

Bị cáo Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh (1);
- VKSND H – CA H (2);
- TAND H (2);
- B5 - Bị cáo (2);
- PV 27 (1);
- Lưu (5);

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Quang Nghĩa